TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị B, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: ấp 6, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Võ Văn V, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

3. Người làm chứng: Bà Trương Thị C, sinh năm 1959. Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2020 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Lê Thị B, trình bày: Chị và anh V cưới nhau vào năm 2010, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T B (nay là xã T), huyện HN. Hôn nhân do tìm hiểu trước. Sau khi cưới chị và anh V sống tự do như ở gia đình chị, gia đình anh V và ở Bình Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, anh V không tin tưởng chị, thường nghi ngờ chị có tình cảm với người khác, anh V còn nói "chị lấy trai", khi vợ chồng còn sống và đi làm tại tỉnh Bình Dương thì anh V thường xuyên đánh chị nhưng chị không có báo chính quyền địa phương, anh V còn đánh bài, đánh số đề và chị không còn tình cảm với anh V nên vợ chồng sống không có hạnh phúc. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Vào tháng 02 năm 2020 thì chị có nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh V nhưng gia đình cha mẹ hai bên động viên nên chị đã rút đơn khởi kiện không yêu cầu nữa nhưng sau đó vợ chồng cũng không đoàn tụ được nên chị lại nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V. Chị và anh V đã không sống chung với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay, vợ chồng cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn V.

Bị đơn anh Võ Văn V, trình bày: Không nhớ anh và chị B cưới nhau khi nào, chỉ nhớ vợ chồng cưới nhau được 10 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T B (nay là xã T). Hôn nhân do quen biết trước được hơn 01 năm. Sau khi cưới anh và chị B sống cùng gia đình chị B và đi làm tại tỉnh Bình Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn vì xảy ra. Anh không biết nguyên nhân chị B xin ly hôn với anh, việc chị B yêu cầu ly hôn vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi nhau là không đúng, anh và chị B ít cự cãi nhau. Khi anh và chị B còn sống ở Bình Dương thì chị B thường xuyên đi chơi với bạn bè, về nhà rất khuya, có khi đi đến sáng hôm sau mới về nhà, không chăm sóc gia đình nên vợ chồng có cự cãi nhau và chị B bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Anh không có nói hay nghi ngờ chị B có tình cảm với người khác, cũng không đánh bài hay đánh số đề. Vợ chồng sống phải thương nhau, anh chỉ có uống rượu không có đánh chị B. Anh và chị B không còn sống chung từ đầu năm 2020 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau, rất nhiều lần anh năn nỉ, nhờ người thân và gia đình hai bên động viên chị B về chung sống và không ly hôn với anh nữa nhưng chị B không đồng ý đoàn tụ với anh, mỗi lần anh gặp chị B thì chị B la và chửi anh. Chị B từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh nhưng đã rút đơn, vì cha mẹ dòng họ bên vợ động viên vợ chồng anh chung sống, đoàn tụ lại và do anh kiên quyết không đồng ý ly hôn với chị B. Nay chị B yêu cầu được ly hôn anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương chị B, không muốn con chung khổ và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng anh êm ấm hòa thuận lại với nhau.

2. Về việc nuôi con: Chị B và anh V thống nhất trình bày: Anh chị chung sống có một con chung là con gái tên Võ Thị Thảo N, sinh ngày 08/11/2011. Hiện con chung đang sinh sống cùng anh V. Chị B và anh V thống nhất thỏa thuận. Anh V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Thảo N và chị B không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh V tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chị B và anh V thống nhất trình bày. Anh chị chung sống với nhau không có tài sản chung nên về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị B và anh V thống nhất trình bày. Anh chị chung sống không có thiếu nợ, cũng không ai thiếu nợ anh chị nên về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2020 người làm chứng bà Trương Thị C trình bày: Bà là mẹ ruột anh V, mẹ chồng chị B và không có mâu thuẫn với anh V, chị B. Vợ chồng anh V cưới nhau khoảng 10 năm. Hôn nhân do tự tìm hiểu. Sau khi cưới thì sống bên gia đình chị B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì vợ chồng mâu thuẫn cho đến nay. Chị B đã gửi đơn ly hôn hai lần nhưng lần đầu mẹ chị B khuyên nên chị B rút đơn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh V thì bà không rõ nhưng có cự cãi nhưng bà không có trực tiếp nhìn thấy hai bên cự cãi nhau. Vợ chồng anh V không còn sống chung từ Tết Nguyên đán năm 2020 cho đến nay. Bà cũng khuyên nhủ chị B nhiều lần nhưng chị B không trả lời và kiên quyết ly hôn. Anh V còn thương vợ nên không thống nhất ly hôn, bà mong muốn anh V, chị B đoàn tụ. Về con chung thì có 01 con chung tên Võ Thị Thảo N, sinh ngày 08/11/2011 hiện đang sinh sống với anh V và anh V có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tài sản chung và nợ chung đều không có. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chị Lê Thị B được ly hôn với anh Võ Văn V. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị B và anh V, anh V được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục con chung Võ Thị Thảo N, sinh ngày 08/11/2011, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị B có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Võ Văn V. Hiện anh V đang cư trú tại ấp 1, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người làm chứng bà Trương Thị C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng bà C vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên bà C đã có lời khai với Tòa án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị B và anh Võ Văn V được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số

01/2012 ngày 04/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị B là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị B và anh V đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị B, anh V đoàn tụ nhưng chị B vẫn cương quyết ly hôn, vì tình cảm vợ chồng không còn nên chung sống không còn hạnh phúc và anh V cũng kiên quyết không đồng ý ly hôn vì còn thương chị B, không muốn con chung sau này phải khổ. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Chị B, anh V đều thừa nhận hiện anh, chị không còn sống chung với nhau và anh V nhiều lần năn nỉ chị B cũng như gia đình người thân hai bên đã khuyên bảo, động viên chị B về sống cùng anh V nhưng chị B vẫn không đồng ý, chị B cũng đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh V. Mặt khác, anh V cho rằng khi anh và chị B còn sinh sống ở Bình Dương thì chị B thường đi chơi về khuya nên vợ chồng cũng có cự cãi nhau cho thấy hôn nhân giữa chị B và anh V không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Võ Văn V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Con chung Võ Thị Thảo N, sinh ngày 08/11/2011 hiện đang sinh sống cùng anh V ổn định, được đảm bảo về mọi mặt và con chung Thảo N có nguyện vọng được sinh sống cùng anh V. Xét, chị Lê Thị B và anh Võ Văn V thống nhất thỏa thuận: Anh Võ Văn V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Võ Thị Thảo N, sinh ngày 08/11/2011. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V tự nguyện không yêu cầu phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị B theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh V thống nhất trình bày anh chị chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị B chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai

thu số 0003050 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị B. Cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Võ Văn V.

2. Về việc nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị B và anh Võ Văn V.

2.1. Anh Võ Văn V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Võ Thị Thảo N, sinh ngày 08/11/2011.

.2.2 Chị Lê Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị B chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003050 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/8/2020).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung